

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/KDTM-ST

Ngày 18 tháng 6 năm 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích - Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-DS, ngày 19 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2024/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 329/2024/QĐST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T3. Địa chỉ trụ sở chính: phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Địa chỉ liên hệ: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Minh Đ - Tổng giám đốc Ngân hàng T3. Văn bản số 01/2023/GUQ-CTHĐTV ngày 17/02/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng Nhật H - Phó Tổng giám đốc Ngân hàng T3. Văn bản số 36/2023/GUQ-CB ngày 20/3/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T1; ông Lê Đình Q; ông Trần Hoàng T2; ông Trần Vy Nhật Q1; ông Dương Việt H1. Văn bản ủy quyền số 73/2024/GUQ-CB ngày 05/3/2024. Ông Q1, ông H1 có mặt.

Bị đơn: 1. Ông Phan Nguyễn Ngân P, sinh năm 1992. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Hồng H2, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tố tụng ông Dương Việt H1 và ông Trần Vy Nhật Q1 đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/6/2022 giữa Ngân hàng T3 (sau đây gọi là Ngân hàng) và ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 có ký hợp đồng tín dụng số 61/2022/24101/08.1.HĐTD/200. Theo đó, Ngân hàng giải ngân cho ông P và bà H2 vay 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa gạo; Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 08/6/2022 đến ngày 08/6/2023; lãi suất vay cố định 8,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi trên nợ lãi quá hạn là 10% tính trên số nợ chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông P, bà H2 không trả vốn, lãi theo hợp đồng mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông P và bà H2 liên đới chịu trách nhiệm trả Ngân hàng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/6/2024 là 5.696.423.409 đồng. Trong đó nợ gốc 4.999.866.654 đồng; lãi đến hạn chưa thanh toán 473.892.526 đồng; lãi quá hạn trên nợ gốc quá hạn 218.898.224 đồng; lãi phạt trên lãi quá hạn 3.766.005 đồng. Đồng thời yêu cầu ông P, bà H2 tiếp tục chịu lãi vay, phí phát sinh tiếp theo hợp đồng tín dụng số 61/2022/24101/08.1.HĐTD/200 kể từ ngày 19/6/2024 đến khi trả hết nợ. Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2022/24101/02.HĐTC/200 ngày 08/6/2022 giữa Ngân hàng với ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2. Trường hợp ông P, bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông P, bà H2 đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông P, bà H2 thì ông P, bà H2 có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả hết khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa được mở lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Ngày 28/5/2024 Văn phòng Tòa án Tp. Long Xuyên nhận đơn khiếu nại của ông P, bà H2 đề nghị hoãn phiên tòa, trả hồ sơ, đơn khởi kiện cho nguyên đơn; hướng dẫn khách hàng thực hiện áp dụng chính sách, chủ trương của Nhà nước về cơ cấu lại hạn mức tín dụng theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023, Nghị quyết số 50/NQ-CP, Nghị quyết 59/NQ-CP và chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 23/5/2023; Trước khi gửi đơn khởi kiện Ngân hàng không gửi bản photo đơn khởi kiện, tự khai và các tài liệu kèm theo cho bị đơn biết là không đúng quy định; Tòa án không tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho bị đơn, Tòa án gửi Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng không quy định thời hạn để đương sự có ý kiến là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tổ chức Thừa phát lại không thực hiện giao đúng đối tượng, nên không hợp lệ.

* Đại diện Viện kiểm sát Tp. Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh Phan Nguyễn Ngân P, nên xác định lại quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tố tụng, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 171, 173, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTSD về việc xét xử vụ án.

* Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Phan Nguyễn Ngân P, bà Nguyễn Hồng H2 trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/6/2024 là 5.696.423.409 đồng. Trong đó nợ gốc 4.999.866.654 đồng; nợ lãi trong hạn 36.095.890 đồng; nợ lãi quá hạn trên gốc 656.694.860 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 3.766.005 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Trường hợp ông P, bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 61/2022/24101/02.HĐTC/200 ngày 08/6/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng T3 khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phan Nguyễn Ngân P, bà Nguyễn Hồng H2. Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, nên thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại tiểu mục 10.2 Điều 10 của hợp đồng tín dụng số 61/2022/24101/08.1.HĐTD/200, ngày 08/6/2022 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận phát sinh tranh chấp do Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên ngày 19/02/2024, thể hiện: Đương sự Phan Nguyễn Ngân P, sinh năm 1992; Nguyễn Hồng H2, sinh năm 1992 có đăng ký thường trú tại khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, nên Tòa án thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 vắng mặt không có lý do, nguyên đơn

không yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét thấy Tòa án đã thu thập, thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định, việc vắng mặt của bị đơn không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Ngày 08/6/2022 ông P, bà H2 ký hợp đồng tín dụng số 61/2022/24101/08.1.HĐTD/200 với Ngân hàng để vay 5.000.000.000 đồng và Ngân hàng đã giải ngân đủ tiền vay cho bên thụ hưởng là bà Phan Thị Hoa Đ1 theo giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 61/2022/24101/11.GĐNGN_1/200 do ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 ký tên xác nhận khách hàng ngày 08/6/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P bà H2 không trả vốn lãi theo thỏa thuận mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông bà tắt toán nợ. Do ông P, bà H2 vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng yêu cầu ông P, bà H2 liên đới trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/6/2024 là 5.696.423.409 đồng. Trong đó nợ gốc 4.999.866.654 đồng; lãi đến hạn chưa thanh toán 473.892.526 đồng; lãi quá hạn trên nợ gốc quá hạn 218.898.224 đồng; lãi phạt trên lãi quá hạn 3.766.005 đồng. Yêu cầu ông P, bà H2 tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 19/6/2024 đến khi trả hết nợ. Yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2022/24101/02.HĐTC/200 ngày 08/6/2022 giữa Ngân hàng với ông P và bà H2 để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì ông P, bà H2 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3]. Bị đơn ông P, bà H2 khiếu nại như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện là thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 70 BLTTDS. Ngày 04/01/2024 ông P ký nhận phiếu báo phát của Ngân hàng thông báo việc Ngân hàng khởi kiện đối với bị đơn. Do ông P, bà H2 vắng mặt vào thời điểm tổng đạt nên các văn bản tố tụng của Tòa án được niêm yết là thực hiện đúng quy định tại Điều 179 BLTTDS về thủ tục niêm yết công khai. Đối với đề nghị của ông P, bà H2 về việc đề nghị cho bị đơn được tái cơ cấu nợ vay đến cuối năm 2024. Yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, nên không có cơ sở xem xét.

[4]. Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông P, bà H2 vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là ông P, bà H2 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết Thông báo về kết quả phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông P, bà H2 biết để các ông bà thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định, nhưng ông P, bà H2 không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số 61/2022/24101/08.1.HĐTD/200, ngày 08/6/2022; giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ số 61/2022/24101/11.GĐNGN_1/200 do ông P và bà H2 ký tên xác nhận khách hàng ngày 08/6/2022; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Phan Nguyễn Ngân P và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2024 đối với tài sản thế chấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông P và bà H2 liên đới trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/6/2024 là 5.696.423.409 đồng. Tiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2022/24101/02.HĐTC/200 ngày 08/6/2022 giữa Ngân hàng với ông P và bà H2 để thu hồi nợ. Xét tài sản thế chấp nêu trên của ông P, bà H2 đối với Ngân hàng có công chứng và đăng ký thế chấp cùng ngày 08/6/2022 là đúng quy định về đăng ký thế chấp, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp của ông P và bà H2 để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm nộp 600.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên ông P và bà H2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng 600.000 đồng chi phí tố tụng.

[6]. Về án phí: Ông P và bà H2 liên đới chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T3 đối với ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2.

Buộc ông ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng T3 nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/6/2024 là 5.696.423.409đ (Năm tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông P và bà H2 vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng T3 có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 61/2022/24101/02.HĐTC/200 ngày 08/6/2022 giữa Ngân hàng T3 chi nhánh A với ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng T3 thu hồi nợ thì ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 vẫn phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho Ngân hàng T3 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Về án phí: Ông Phan Nguyễn Ngân P và bà Nguyễn Hồng H2 liên đới chịu 113.696.000đ (Một trăm mười ba triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng T3 được nhận lại 56.685.000đ (Năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001469, ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

